

Số: *31*/BC-UBND

TP. Hưng Yên, ngày *17* tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hưng Yên năm 2021; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ theo quy định của Luật, Quy chế hoạt động của HĐND thành phố khóa XXII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; UBND thành phố báo cáo hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022 với những nội dung sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

Năm 2021, ở trong nước liên tiếp bùng phát 2 đợt dịch bệnh Covid-19 (đợt 3, đợt 4) với diễn biến nhanh, phức tạp và nghiêm trọng. Trong đợt dịch lần thứ tư, từ ngày 29/4 đến nay, trên địa bàn của tỉnh đã có trên 1.000 ca dương tính với Covid-19, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân. Trong bối cảnh đó, thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh và Thành ủy về triển khai các biện pháp phòng, chống và kiểm soát dịch. Với tinh thần “chống dịch như chống giặc” và thực hiện “nhiệm vụ kép” là vừa phòng, chống dịch vừa phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời với chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch hiệu quả cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và nhân dân, trải qua 04 đợt dịch đến ngày 02/11/2021, thành phố kiểm soát tốt tình hình và không ghi nhận ca mắc Covid-19 nào trong cộng đồng; tuy nhiên từ 03/11, thành phố ghi nhận ca mắc đầu tiên trong cộng đồng, và cho đến nay thành phố đã ghi nhận trên 50 ca mắc Covid-19. Tuy nhiên nhờ thời gian dài không ghi nhận ca mắc Covid-19 trong cộng đồng nên các hoạt động sản xuất, kinh doanh được ổn định, góp phần vào kết quả chung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt 8,1% (KH tăng 10,5).
- Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản ước đạt 1.112,2 tỷ đồng, tăng 3,2% so với CKNT (KH tăng 2,6%).
- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng ước đạt 9.677,46 tỷ đồng, tăng 11,39% so với CKNT (KH tăng 10%).
- Giá trị thương mại - dịch vụ ước đạt 9.539,3 tỷ đồng, tăng 5,5% so với CKNT (KH tăng 13%).
- Cơ cấu kinh tế NNTS 5,5% - CNXD 47,6% - TMDV 46,9%.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 2.298 tỷ đồng, đạt 219,78% kế hoạch tỉnh và 219,36 % kế hoạch thành phố.
- Tổng sản phẩm bình quân đầu người ước đạt 96 triệu đồng/năm (KH: 96 triệu đồng/năm).
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 49,5%.
- Giá trị bình quân trên một ha canh tác ước đạt 254 triệu đồng.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,12% (mục tiêu giảm 1,12%).
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68% (KH: 68%); trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề được cấp chứng chỉ đạt trên 45%
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%. Phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn II duy trì 100%.
- Có 88/89 khu phố, làng văn hoá, đạt 98,8%; 90,3% cơ quan, đơn vị đạt văn hóa; 92,21% gia đình văn hóa;
- Tỷ lệ bao phủ đường ống chờ đầu nối đạt 100%, tỷ lệ đầu nối sử dụng nước máy đạt 95%.
- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%; tỷ số giới tính khi sinh 116 bé trai/100 bé gái (bằng CKNT). Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên chiếm khoảng 15%, giảm 2,2% so CKNT.
- Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho người đủ điều kiện đạt 99,9%.
- Có thêm 05 trường đạt chuẩn quốc gia (mục tiêu 06 trường).
- 08/10 xã được công nhận nông thôn mới nâng cao, trong đó 01 xã Hồng Nam đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn:

1.1. Sản xuất nông nghiệp và thủy sản:

Nhờ khí hậu trong năm thuận lợi kết hợp với thực hiện sản xuất hàng hóa gắn với Đề án tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững nên nông nghiệp, thủy sản tiếp tục duy trì ổn định, bên cạnh đó chuyển đổi cơ cấu thời vụ, giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả đã mang lại cho ngành nông nghiệp kết quả tăng trưởng khá toàn diện.

Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản ước đạt 1.112,2 tỷ đồng, tăng 3,2% tương ứng tăng 34,77 tỷ đồng so CKNT. Trong đó: Trồng trọt đạt 452,93 tỷ đồng, tăng 2,6%; chăn nuôi đạt 510,46 tỷ đồng, tăng 3,3%; thủy sản đạt 127,08 tỷ đồng, tăng 5,3%; dịch vụ nông nghiệp và các hoạt động khác đạt 21,74 tỷ đồng, tăng 2,8%.

Diện tích cây hàng năm là 4.944,6 ha, tương ứng với giảm diện tích đất canh tác cây hàng năm là 193,9 ha (trong đó diện tích trồng lúa đạt 1.702 ha; ngô đạt 930 ha, giảm 304 ha; rau đậu các loại và cây hàng năm khác đạt 1.443,2 ha, giảm 110,4 ha). Diện tích cây hàng năm giảm do nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng và thu hồi đất GPMB phục vụ các dự án. Năng suất lúa 02 vụ trung bình đạt 64,5 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với CKNT; sản lượng lúa ước đạt 10.944 tấn, giảm 427 tấn so với CKNT; sản lượng ngô đạt 5.722 tấn, giảm 1.409 tấn so với CKNT.